TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CAI LẬY** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc** ----------o0o----------

Bản án số: 63/2017/DS-ST
Ngày: 26/9/2017
V/V tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Sơn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Cao Châu Tiếp**.
2. Bà **Nguyễn Thị Thúy Vân**.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Ngô Lê Quế Thanh** – Cán bộ TAND thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2017/TLST- DS ngày 16 tháng 5 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2017/QĐXXST- DS ngày 01 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Minh H** (tên gọi khác chị H), sinh năm 1964; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp D, xã E, huyện F, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn G**, sinh năm 1974; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 16/5/2017, tại lời khai trong các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Minh H (tên gọi khác chị H) trình bày:* Bà H có tham gia chơi hụi do phía ông Nguyễn Văn G làm chủ thảo gồm các dây hụi sau:

- Dây thứ nhất: Dây hụi 500.000 đồng, gồm có 26 phần, bà H có tham gia chơi 01 phần, hụi 01 tháng khui 01 lần, khui lần đầu vào ngày 20/11/2014 (âm lịch), hụi có lãi và hưởng hoa hồng là 100.000 đồng/01 kỳ hốt hụi, bà H đã đóng được 22 kỳ hụi sống thì phía ông G ngưng, không khui hụi tiếp. Tính số tiền hụi sống qui ra hụi chết của 22 kỳ đóng hụi với số tiền là 11.000.000 đồng. Nhưng bà H chỉ yêu cầu ông G trả lại cho tôi số tiền vốn đã đóng là 7.700.000 đồng.

- Dây thứ hai: Dây hụi 500.000 đồng, gồm có 21 phần, bà H có tham gia chơi 02 phần, hụi 01 tháng khui 01 lần, khui lần đầu vào ngày 25/02/2016 (âm lịch), hụi có lãi và hưởng hoa hồng là 100.000 đồng/01 kỳ hốt hụi, bà H đóng 02 phần hụi được 07 kỳ hụi sống thì phía ông G ngưng, không khui hụi tiếp. Tính số tiền hụi sống qui ra hụi chết của 02 phần với số tiền là 7.000.000 đồng. Nhưng bà H chỉ yêu cầu ông G trả lại cho tôi số tiền vốn đã đóng là 4.900.000 đồng.

Nay bà H yêu cầu ông Nguyễn Văn G trả cho bà H tổng cộng số tiền vốn đóng hụi của 02 dây hụi nói trên là 12.600.000 đồng và trả một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn G dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gởi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng*: Việc vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn G. Xét thấy, bị đơn ông G đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt phía bị đơn ông G.

- *Về quan hệ tranh chấp:* Xác định đây là tranh chấp hợp đồng góp hụi.

- *Về yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Minh H(tên gọi khác chị H):* Yêu cầu ông Nguyễn Văn G có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền hụi mà ông G còn nợ bà H là 12.600.000 đồng và yêu cầu trả 01 lần sau khi án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, yêu cầu của phía nguyên đơn bà H là có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, tại phiên tòa hôm nay phía nguyên đơn bà H xác định có tham gia chơi hụi do phía ông G làm chủ thảo hụi và cho rằng ông G còn nợ lại số tiền hụi tính số tiền vốn đóng là 12.600.000 đồng đến nay chưa trả. Phía bà H cũng có cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh là có quan hệ hợp đồng góp hụi với ông G là 02 danh sách hụi viên của 02 dây hụi mà bà H tham gia chơi hụi do ông G ghi giao cho các hụi viên trong quá trình tham gia chơi hụi. Đối với phía ông G dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến và không có ý kiến gởi cho Tòa án. Cho thấy, phía bị đơn ông G đã biết được số tiền nợ hụi mà phía nguyên đơn bà H đã khởi kiện để yêu cầu phía bị đơn ông G phải có nghĩa vụ trả, nhưng phía bị đơn ông G đã từ bỏ nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để chứng minh là mình có nợ số tiền hụi đối với yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn hay không, đều này cũng đồng nghĩa là phía bị đơn đã thừa nhận số tiền nợ hụi mà phía nguyên đơn đã khởi kiện yêu cầu phía bị đơn trả, nên không cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh. Việc bị đơn cố tình không đến là nhằm kéo dài thời gian trả nợ và gây khó khăn cho việc thu hồi nợ đối với phía nguyên đơn. Đối với phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với nguyên đơn và phía nguyên đơn chỉ yêu cầu phía bị đơn trả lại vốn đóng là 12.600.000 đồng là có lợi cho phía bị đơn. Cho nên cần buộc bị dơn ông Nguyễn Văn G phải có nghĩa vụ trả cho phía bà Trần Thị Minh H (tên gọi khác chị H) số tiền nợ hụi là 12.600.000 đồng và trả một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự; các Điều 17, 19, 21, 22, 24, 26, 27, 28, 29 và 31 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

- *Về án phí:* Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H, nên phía bị đơn ông G phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho phía bà H là 12.600.000 đồng theo quy định tại khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày

30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí, nên ông G phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm là 630.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 17, 19, 21, 22, 24, 26, 27, 28,29 và 31 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí.

Tuyên xử

1. Về dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Minh H (tên gọi khác chị H).

Buộc ông Nguyễn Văn G phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Minh H số tiền nợ hụi là 12.600.000 đồng và trả một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn bà Trần Thị Minh H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn ông Nguyễn Văn G chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trên số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Buộc ông Nguyễn Văn G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 630.000 đồng.

Hoàn lại cho bà Trần Thị Minh H 450.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, mà bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000783 ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Cai Lậy.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà Trần Thị Minh H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn ông Nguyễn Văn G thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- CCTHADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thanh Sơn